

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST
Ngày: 06 tháng 5 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Võ Thị Lãnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Phòng xử án T sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2022 và tuyên án ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ T sở chính: 89 B, Phường B, Quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1998, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số: /2021/UQ-PGD tháng 6/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần A);

Nơi thường trú: 2/Y3 Đường YT, Phường D, thành phố E, tỉnh G;

Địa chỉ liên lạc: Lầu 1 – Tòa ACM – 96 Đường CT, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MN (tên cũ: Công ty TNHH QC);

Địa chỉ T sở chính: 31/2 QL, Khu phố I, Phường K, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1993, là người đại diện theo pháp luật (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp: 0314540239; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 05/5/2020). (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1963, là Luật sư của Văn phòng Luật sư X thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 273/4 Đường TTH07, Khu phố P, Phường Q, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 2789/1A Khu phố R, Phường S, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản, tại phiên tòa thì với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Đình T trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 26/9/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) thì Công ty TNHH QC (nay là Công ty TNHH MN) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Công ty, hạn mức thẻ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: 12 tháng; lãi suất trong hạn: 25%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thương mại đá Granite.

Hợp đồng tín dụng này được bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPB-QC/2018 ngày 26/9/2018.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ vay sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/4/2022 Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 298.764.000 đồng, nợ lãi 444.290.380 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty như sau:

1/ Trả số tiền còn nợ tính đến ngày 29/4/2022 Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

2/ Trong trường hợp Công ty không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên, thì Ngân hàng yêu cầu bên bảo lãnh – ông Nguyễn Đức B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Ngoài ra, Ngân hàng không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Trong tờ khai bị đơn - Công ty TNHH MN trình bày:

Công ty TNHH MN được thành lập năm 2017 đăng ký lần đầu ngày 27/7/2017 với tên gọi Công ty TNHH QC tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Đức B làm chủ sở hữu. Trong thời gian hoạt động ông Nguyễn Đức B là người quyết định mọi vấn đề của Công ty. Ngày 26/9/2018 ông Nguyễn Đức B ký Hợp đồng bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông B với Ngân hàng lấy danh nghĩa cho Công ty TNHH QC vay tín dụng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, nhưng thực chất ông B nhận tiền và dùng số tiền vay tín dụng của Ngân hàng để sử dụng tiêu dùng cá nhân nên không trả nợ cho Ngân hàng. Thực tế trong bản quyết toán của Công ty TNHH QC năm 2018 cũng không thể hiện khoản vay của Ngân hàng. Điều đó, càng chứng minh việc ông B lấy danh nghĩa Công ty để vay tiêu dùng cá nhân, bản thân ông B khi đó làm Giám đốc chứ hoàn toàn không sử dụng cho hoạt động của Công ty.

Ngày 05/5/2020 Công ty TNHH QC đăng ký thay đổi và chuyển tên thành Công ty TNHH MN do ông Nguyễn Minh N là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Từ những trình bày trên, thì Công ty TNHH MN (tên cũ Công ty TNHH QC) không có nghĩa vụ trả nợ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Người có nghĩa vụ trả nợ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông Nguyễn Đức B.

Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 08/4/2022 đương sự vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất gồm:

Bị đơn (người đại diện theo pháp luật của bị đơn);

Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (có Đơn hoãn phiên tòa nộp ngày 07/4/2022);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay: Đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt.

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bị đơn – Công ty TNHH MN (tên cũ Công ty TNHH QC) trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 29/4/2022 là 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 298.764.000 đồng, nợ lãi 444.290.380 đồng. Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Trong trường hợp Công ty không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên, thì bên bảo lãnh – ông Nguyễn Đức B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Công ty TNHH QC (nay là Công ty TNHH MN) có vay và nhận 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng của nguyên đơn. Ông B nhận số tiền vay của nguyên đơn để tiêu dùng cá nhân, hoàn toàn không sử dụng cho hoạt động của Công ty. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì Công ty có ý kiến nợ thì phải trả, nhưng người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là ông Nguyễn Đức B, không phải Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Bị đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thanh toán số tiền vay do các bên đương sự xác lập giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn – Công ty TNHH MN có địa chỉ T sở chính tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Điều 30, 35, 36, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 26/9/2018 thì bị đơn có vay của nguyên đơn 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền tính đến ngày 29/4/2022 là 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 298.764.000 đồng, nợ lãi 444.290.380 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận cho đến khi trả xong số nợ trên. Trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên, thì bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Đối với ý kiến của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Công ty TNHH QC (nay là Công ty TNHH MN) có vay và nhận 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng của nguyên đơn. Số tiền vay ông B không có đưa vào hoạt động của Công ty. Công ty có ý kiến nợ thì phải trả, nhưng người có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là ông Nguyễn Đức B, không phải Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại các Điều 335, 336, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; “Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; ...”; “Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh; ...”; “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải

hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, ...”. Đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào giấy tờ tài liệu trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận:

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.2.1] Bị đơn đã được giải ngân 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ và lãi như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 298.764.000 đồng, nợ lãi 444.290.380 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận cho đến khi trả xong số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở và căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[2.2.2] Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn yêu cầu bên bảo lãnh – ông Nguyễn Đức B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPB-QC/2018 ngày 26/9/2018 thì ông Nguyễn Đức B ký bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh – Công ty TNHH QC (nay là Công ty TNHH MN). Do đó, khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Nguyễn Đức B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của bị đơn trong tờ khai cũng như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng tài liệu bị đơn giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty TNHH QC lập Sổ quỹ tiền mặt năm 2018 vào ngày 31/12/2018 nhưng không có chữ ký của Giám đốc, Kế toán của Công ty. Công ty TNHH QC lập Sổ quỹ tiền mặt năm 2018, nhưng lại đóng dấu giáp lai là dấu của Công ty TNHH MN . Trong khi đó, Công ty TNHH MN đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 05/5/2020 (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0314540239). Mặt khác, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần A với bên vay là Công ty TNHH QC (nay là Công ty TNHH MN). Công ty thừa nhận có vay và nhận 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng của Ngân hàng. Đối chiếu với quy định của pháp luật khi đến hạn trả, bên vay

phải hoàn trả cho bên cho vay. Do đó, ý kiến của bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có cơ sở.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại có giá ngạch 33.722.175 (ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 11.863.139 (mười một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0106154 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 92, 96, 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty TNHH MN có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 743.054.380 (bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc 298.764.000 đồng, nợ lãi 444.290.380 đồng.

Kể từ ngày 30/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Trong trường hợp Công ty TNHH MN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Đức B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPB-QC/2018 ngày 26/9/2018 .

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH MN phải chịu án phí sơ thẩm 33.722.175 (ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 11.863.139 (mười một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi chín) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0106154 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Kim